

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11 /2024/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 17 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện bố trí dân cư
các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do
trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội
dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc
biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-
2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ các Thông tư: số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận
nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm
nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm
2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh
phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu
quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 1075/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số nội dung
thực hiện bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do
trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 122/BC-HĐND ngày 10 tháng 04

năm 2024 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét; hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, thiếu nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; ô nhiễm môi trường.

Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền, khu kinh tế - quốc phòng.

Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn trong tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Ưu tiên bố trí, sắp xếp ổn định hộ gia đình, cá nhân ở nơi bị thiên tai, vùng có nguy cơ cao về thiên tai (*sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng*) đến nơi định cư an toàn.

2. Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư phải thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch, phương án, dự án bố trí, sắp xếp dân cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bố trí ổn định gắn với giải pháp phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo điều kiện ổn định lâu dài gắn với các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

4. Mỗi hộ gia đình, cá nhân chỉ được hưởng hỗ trợ một lần (*trừ trường hợp thiên tai bất khả kháng*), trong cùng một thời điểm nếu có nhiều chính sách hỗ trợ từ nhà nước với cùng nội dung và đối tượng hỗ trợ thì chỉ được chọn một chính sách hỗ trợ.

Điều 3. Nội dung, mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ di dời nhà ở

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ di dời nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ thiên tai.

b) Mức hỗ trợ: 30 triệu đồng/hộ.

c) Điều kiện hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

d) Phương thức hỗ trợ: Tạm ứng ban đầu 50% kinh phí hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện; 50% kinh phí còn lại hỗ trợ sau khi hoàn thành và được nghiệm thu theo quy định.

2. Hỗ trợ nhà ở

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ làm nhà ở mới, sửa chữa, nâng cấp nhà ở.

b) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ làm nhà ở mới: 40 triệu đồng/hộ.

Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp nhà ở: 20 triệu đồng/hộ.

c) Điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ làm nhà ở mới đối với những hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển nhà đến nơi ở mới; hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở do thiên tai hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng không thể di chuyển, sửa chữa, khôi phục lại.

Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp nhà ở đối với những hộ gia đình, cá nhân có nhà ở bị hư hỏng, dột nát phải sửa chữa, nâng cấp.

Chất lượng nhà ở được hỗ trợ phải đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

d) Phương thức hỗ trợ: Tạm ứng ban đầu 50% kinh phí hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện; 50% kinh phí còn lại hỗ trợ sau khi hoàn thành và được nghiệm thu theo quy định.

3. Hỗ trợ khai hoang đất sản xuất

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ khai hoang đất sản xuất.

b) Mức hỗ trợ: 15 triệu đồng/ha.

c) Điều kiện hỗ trợ: Hỗ trợ đối với những nơi có điều kiện khai hoang, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí cho hộ gia đình, cá nhân sau khi hoàn thành khai hoang và được nghiệm thu theo quy định, mức hỗ trợ không quá mức quy định tại điểm b, khoản này.

4. Hỗ trợ lương thực

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ lương thực trong thời gian đầu tại nơi tái định cư.

b) Mức hỗ trợ: 15kg gạo tẻ thường/người/tháng, thời gian hỗ trợ tối đa 12 tháng.

c) Điều kiện hỗ trợ: Hỗ trợ lương thực trong thời gian đầu tại nơi tái định cư khi hộ gia đình, cá nhân chưa tự túc được lương thực.

d) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ bằng gạo hoặc bằng tiền mặt. Giá gạo hỗ trợ được tính theo giá thị trường tại thời điểm hỗ trợ, theo thông báo giá gần nhất của cơ quan tài chính.

5. Hỗ trợ nước sinh hoạt

a) Nội dung hỗ trợ: Vật dụng chứa nước (*bồn, téc*) làm bằng các vật liệu kim loại, nhựa có dung tích từ 500 lít trở lên; ống dẫn nước; tự làm bể chứa nước dung tích tối thiểu 500 lít; tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước phục vụ sinh hoạt.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần bằng chi phí thực hiện, tối đa không quá 03 triệu đồng/hộ.

c) Điều kiện hỗ trợ: Chỉ hỗ trợ tại những nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

d) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí cho hộ gia đình, cá nhân sau khi hoàn thành và được nghiệm thu theo quy định, mức hỗ trợ không quá mức quy định tại điểm b, khoản này.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn vốn ngân sách trung ương, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 17 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản Quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Chu Lê Chinh